

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thọ và ông Võ Bá Tùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang— Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B T, sinh năm 1984 (có mặt);

HKTT và trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ *Bị đơn:* Bà Quản Thị H, sinh năm 1980;

HKTT và trú tại: Tổ 16, khu phố HS, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Thế H, sinh năm 1984 (có mặt);

HKTT và trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Lê Hữu B, sinh năm 1975;

HKTT và trú tại: Tổ 16, khu phố H S, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B T trình bày:

Bà Quản Thị H là nhân viên cũ nhà hàng của bà Nguyễn Thị B T. Nhiều lần bà H tâm sự với bà T về hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị bà T cho mượn tiền làm vốn đi buôn trái cây. Bà T đã cho bà H mượn tiền nhiều lần với các lý do chồng ốm, con ốm, ba chồng bệnh, em họ ung thư phải cần số tiền trả viện phí ...bà không yêu cầu ghi nợ mà chỉ theo dõi số tiền vay như sau: Ngày 13/9/2015 vay 7.000.000đ; ngày 14/9/2015 vay 15.000.000đ; ngày 16/9/2015

vay 22.000.000đ, ngày 19/9/2015 vay 5.000.000đ; ngày 01/10/2015 vay 10.000.000đ; ngày 03/10/2015 vay 20.000.000đ; ngày 07/10/2015 vay 15.000.000đ; ngày 11/10/2015 vay 20.000.000đ; ngày 13/10/2015 vay 20.000.000đ; ngày 18/10/2015 vay 4.000.000đ; ngày 21/10/2015 vay 20.000.000đ; ngày 30/10/2015 vay 6.000.000đ; ngày 22/11/2015 vay 5.000.000đ; 27/11/2015 vay 16.000.000đ; ngày 28/11/2015 vay 5.000.000đ.

Tổng số tiền bà H đã vay của bà T là 190.000.000đ. Khi vay thì các bên đồng ý cho vay không tính lãi suất và cũng không thỏa thuận thời hạn thanh toán và không viết giấy giao nhận tiền cụ thể.

Sau nhiều lần đòi tiền bà T yêu cầu bà H phải thanh toán nợ thì bà H đã viết 3 giấy cam kết trả nợ (ngày 22/3/2016, 30/6/2016, 24/11/2016) với nội dung xác nhận còn nợ bà T số tiền 190.000.000đ và hẹn ngày thanh toán dứt điểm số nợ cho bà T.

Đến ngày 28/6/2017 bà H đã thanh toán được cho bà T 5.000.000đ; ngày 30/8/2017 bà H thanh toán cho bà T được 5.000.000đ, ngày 15/10/2017 bà H thanh toán cho bà T được 10.000.000đ. Tổng số tiền bà H đã thanh toán cho bà T là 20.000.000đ. Từ ngày 15/10/2017 thì bà H ngưng trả số nợ còn lại là 170.000.000đ.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Quản Thị H cùng chồng là ông Lê Hữu B phải thanh toán cho bà T số tiền còn nợ là 170.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bà T xác nhận số tiền bà T cho bà H, ông B vay là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Trần Thế H.

[2]- *Bị đơn bà Quản Thị H và ông Lê Hữu B trình bày:*

Bà Quản Thị H và ông Lê Hữu B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng cố tình vắng mặt.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế H trình bày:

Ông xác nhận số tiền bà T cho bà H, ông B vay là tài sản chung của vợ chồng ông bà. Tuy nhiên toàn bộ quá trình cho vay đều do bà T thực hiện, ông Trần Thế H đồng ý và không có ý kiến gì. Vì vậy nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H, ông B phải thanh toán cho vợ chồng ông số tiền 170.000.000đ ông đồng ý với yêu cầu của bà T và không có ý kiến gì khác.

[4] – *Tại phiên tòa*, bà Nguyễn Thị B T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

[5]- *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:*

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B mặc dù Tòa án nhân dân TP. Bà Rịa nhiều lần tổng đạt giấy báo đến Tòa và niêm yết các văn bản theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự quy định nhưng ông bà H không chấp hành.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng bà Quản Thị H, ông Lê Hữu B phải hoàn trả cho bà T, ông H số tiền còn lại 170.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị B T có đơn khởi kiện về hợp đồng vay tài sản; bị đơn bà Quản Thị H cư trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà H, ông B nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]- Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B T:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà T cung cấp thì thấy từ ngày 13/9/2015 đến ngày 28/11/2015 bà Quản Thị H có vay của T nhiều lần với số tiền 190.000.000 đồng, mục đích vay để lo trị bệnh cho người thân và có vốn buôn bán trái cây; vay không lãi suất, không ghi giấy nợ, không quy định thời hạn hoàn trả. Bà H không thực hiện trả nợ, bà T yêu cầu bà H mới viết 3 giấy cam kết trả nợ ngày 22/3/2016, 30/6/2016, 24/11/2016. Tại giấy hẹn nợ lần cuối ngày 24/11/2016, bà H thừa số nợ được bà T cho vay không tính lãi từ tháng 8/2015 đến nay chưa trả là 190.000.000đ và cam kết trả dần số nợ dứt điểm vào tháng 3 năm 2018. Xét việc thỏa thuận của các bên nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và đã được lập thành văn bản cam kết trả nợ nên có giá trị pháp lý để thực hiện. Nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà H thì hiện bà H cùng chồng là ông Lê Hữu B vẫn sinh sống tại Tổ 16, khu phố HS, phường H nhưng cố tình lẩn trốn không nhận các văn bản tố tụng nên Tòa án đã niêm yết theo đúng quy định. Đồng thời, bà H cũng đã trực tiếp ký nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/2/2018; quyết định đưa vụ án ra xét xử; hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có ý kiến hoặc cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã thanh toán cho bà T một phần hay toàn bộ số tiền đã mượn nêu trên. Xét, bà H và ông Lê Hữu B là vợ chồng hợp pháp, mục đích bà H vay tiền để lo khám chữa bệnh, hỗ trợ thêm vốn để buôn bán lo cho gia đình, vì vậy việc bà T yêu cầu bà H, ông B cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền này là hợp lý. Xét đơn khởi kiện dù chỉ mình bà T đứng tên nhưng bà T và ông H là vợ chồng hợp pháp, ông bà đều thừa nhận số tiền cho vợ chồng bà H vay là tài sản chung của vợ chồng nên bà T và ông H cùng có yêu cầu bà H, ông B thanh toán nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B T về việc buộc bị đơn bà Quản Thị H và ông Lê Hữu B cùng phải trả cho bà Nguyễn Thị B T, ông Trần Thế H số nợ 170.000.000 đồng.

[3]- Về án phí: Bà H, ông B phải chịu được xác định: $170.000.000đ \times 5\% = 8.500.000đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B T đối với bà Quản Thị H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

- Buộc bà Quản Thị H và ông Lê Thanh B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị BT và ông Trần Thế H số tiền nợ là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2]. Về án phí: Bà H, ông B phải chịu 8.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà T số tiền 4.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0000048 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Thị Lệ Thủy

